

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu, công suất 6 triệu đôi sản phẩm/năm tại xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may công nghiệp xuất khẩu Như Thanh thành dự án Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu tại xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu, công suất 6 triệu đôi sản phẩm/năm tại xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 07/10/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 12/CV.MT-EH ngày 16/11/2020 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1208/Tr-STNMT ngày 19/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu, công suất 6 (sáu) triệu đôi sản phẩm/năm tại xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu,
công suất 6 (sáu) triệu đôi sản phẩm/năm tại xã Hải Long, huyện Như
Thanh, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle
Huge Việt Nam

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)*

1. Thông tin dự án

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu, công suất 6 (sáu) triệu đôi sản phẩm/năm tại xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam

- Người đại diện: Ông Chuang Shou Tung Chức vụ: Chủ tịch

- Điện thoại: 0986.667.787

- Địa chỉ: Thôn Vực Phác, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

1.3. Quy mô, công suất dự án

- Các hạng mục công trình: Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án là 82.072 m²; trong đó, các hạng mục công trình chính bao gồm: 07 nhà xưởng sản xuất, 02 nhà lò hơi, 01 kho keo, 01 nhà dán hộp, 01 nhà đế máy khuôn giày, 02 nhà điện, 01 nhà khí nén, 01 nhà ăn ca, 01 văn phòng làm việc, 03 nhà để xe, 02 nhà bảo vệ, 01 nhà cầu; các công trình phụ trợ bao gồm: bể nước ngầm, bể nước phòng cháy chữa cháy, bể nước sinh hoạt; công trình bảo vệ môi trường (khu vực xử lý nước thải, tập kết chất thải và các công trình phụ trợ khác).

- Công suất sản xuất của dự án: 6 (sáu) triệu đôi sản phẩm/năm.

2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn vận hành dự án

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực nhà máy khoảng 0,43 m³/s. Thành phần chất ô nhiễm chủ yếu: các tạp chất, đất cát, chất rắn lơ lửng.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân ngày lớn nhất khoảng 273m³/ngày (*nước rửa tay chân, tắm giặt 136,5 m³/ngày.đêm; nước thải nhà vệ sinh 109,2 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn 27,3 m³/ngày.đêm*). Thành phần chủ yếu: tổng chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ, Coliforms,...

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh dụng cụ pha chế hóa chất khoảng 4,0 m³/ngày; thành phần chủ yếu: chất thúc đẩy, chất chống dính, chất chống lão hóa, keo màu, dầu,... Nước thải từ quá trình in xoa khoảng 20 m³/ngày; thành phần nước thải loại này chủ yếu: Chất thoát khuôn, keo dung môi, dung dịch nước cứng, mực in, phẩm màu... Nước thải từ quá trình xử lý

khí thải của lò dầu truyền tải nhiệt phát sinh khoảng 10 m³/ngày; thành phần chủ yếu: bùn cặn, Ca(OH)₂, CaCO₃...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất chủ yếu phát sinh từ công đoạn mài đế giày, hấp, ép đế; từ hoạt động đốt nhiên liệu của lò dầu tải nhiệt; phương tiện ra vào dự án, vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm; hoạt động của máy phát điện; hoạt động của hệ thống xử lý khí thải. Thành phần chủ yếu: bụi, NO₂, SO₂, CO, NH₃, hơi dung môi,...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 3.015 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh từ các phân xưởng sản xuất có khối lượng 1.135,6 kg/ngày; từ quá trình đốt trấu viên nén có khối lượng 480 kg/ngày. Thành phần CTR từ hoạt động sản xuất bao gồm các loại đầu mẩu vải, da, nhựa, cao su thừa; các loại nguyên liệu vụn như chỉ may, kim khâu gãy, thùng phi chứa keo, vỏ thùng carton, giấy, gỗ, kim loại; tro thải từ quá trình đốt lò dầu truyền nhiệt,...

- Bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải có khối lượng 1,53 m³/ngày.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,.... khối lượng khoảng 15 kg/tháng.

- Dầu thải bảo dưỡng máy móc, thiết bị, dung dịch hóa chất dư thừa ... Khối lượng dầu thải là 250 lít/tháng, dung dịch hóa chất dư thừa dự kiến khoảng 450 lít/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước mưa chảy tràn trên mái nhà, sân đường trong khuôn viên thu gom bằng hệ thống mương rãnh xung quanh các khu nhà, sân đường nội bộ qua các hố ga vào mương tiêu thoát nước của khu vực và ra khe Cầu Đất.

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải tắm giặt, rửa chân tay được dẫn qua mương rãnh về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý tiếp;

+ Nước thải vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn (01 bể loại 150m³/bể; 05 bể loại 200 m³/bể; 01 bể loại 50 m³/bể), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý tiếp;

+ Nước thải nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ có thể tích 14m³ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ pha chế hóa chất và inoxa được dẫn qua hệ thống mương về bể thu gom rồi qua trạm xử lý sơ bộ nước thải sản

xuất của Nhà máy có công suất 50 m³/ngày, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý tiếp.

Quy trình công nghệ của Trạm xử lý sơ bộ nước thải sản xuất của Nhà máy, công suất 50 m³/ngày đêm: Nước thải sản xuất → bể thu gom → bể khuấy nhanh → bể keo tụ → bể lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy;

+ Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt được thu gom qua bể lắng, sau đó dẫn về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy có công suất 800 m³/ngày.đêm, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất; quy trình công nghệ như sau: Nước thải → Bể thu gom, máy sàng rác tinh → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể khử Nitơ → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng nghiêng → Bể chứa nước đầu ra → Bồn lọc cát → Bể lọc than → Bể chứa nước sau xử lý. Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung được dùng một phần để tái sử dụng cho tưới cây, rửa đường; phần còn lại thải ra mương thoát nước tại khu vực và ra khe Cầu Đất.

+ Nước thải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường: QCVN 40:2011/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Khu vực chùi rửa sản phẩm, lò hấp, ép mũ giày, ráp đế giày, ép, sấy, pha trộn keo: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực luyện, ép cao su và phụ liệu → chụp hút mùi → quạt hút mùi → tháp xử lý (gồm các lớp hấp phụ bằng than hoạt tính) → thải ra môi trường;

+ Khu vực cắt viền, mài đế thô: Tại các máy mài, cắt viền → chụp hút bụi → quạt hút bụi → cyclon khô → thải ra môi trường;

+ Khu vực lò dầu truyền tải nhiệt: Khí thải từ quá trình đốt nguyên liệu (trấu, mùn cưa viên nén) → hệ thống cyclon khô → hệ thống cyclon màng nước → thải ra môi trường qua ống thải.

- Đối với hoạt động của các phương tiện ra, vào Nhà máy: Các phương tiện tham gia vận chuyển, ra, vào Nhà máy được bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đúng quy định; lắp đặt hệ thống thông gió công nghiệp tại các nhà kho, nhà xưởng làm việc; trồng cây xanh khu vực khuôn viên Nhà máy.

- Vận hành đảm bảo hệ thống thu gom, xử lý nước thải bảo đảm quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt thu gom vào 50 thùng có nắp đậy (*thể tích 40 lít/thùng*) đặt tại các nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn công nhân trước khi tập kết vào 15 xe đẩy tay (*thể tích 0,5 m³/xe*) đặt tại kho chứa rác thải (*diện tích 576 m²*); định kỳ 02 ngày/lần, Nhà máy hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Đầu mẩu vải, da, cao su thừa, vải vụn, nilon,... được thu gom, tập trung về kho chứa rác thải (*diện tích 576 m²*); định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định;

+ Giấy bìa catton, nhựa,... được thu gom bán phế liệu;

+ Tro xỉ được đóng bao, tập kết ra bãi chứa (*diện tích khoảng 50 m²*) cạnh khu vực chứa chất thải sản xuất; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định;

+ Bùn thải từ trạm xử lý sơ bộ nước thải sản xuất và từ hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy: định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy được thu gom và phân loại tại nguồn, sau đó đưa về kho chứa CTR nguy hại đặt trong nhà kho chứa riêng có diện tích 50 m² cạnh kho chứa chất thải rắn sản xuất của Nhà máy. Trong kho bố trí 04 thùng (*thể tích 0,5 m³/thùng*), thùng kín, có nắp đậy, dán nhãn cụ thể nhóm loại chất thải nguy hại; định kỳ, hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Vỏ thùng đựng hóa chất được thu gom và lưu giữ tại nhà kho lưu giữ CTNH sau đó trả lại cho đơn vị cung cấp theo hợp đồng kinh tế.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, nhiệt độ:

- Sử dụng dây chuyền thiết bị hiện đại và đồng bộ, thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị đảm bảo điều kiện hoạt động tốt nhất;

- Đặt máy móc thiết bị trên các bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su, đệm cát để tăng cường thêm khả năng cách ly chấn động;

- Lắp đặt hệ thống thông gió đảm bảo lưu thông không khí, thông thoáng nhà xưởng và các khu vực làm việc, sản xuất;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp tại Nhà máy; bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi cho công nhân của các xưởng có độ ồn cao.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý chất thải:

Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý chất thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý chất thải.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định; xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy;

- Phương án phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

4.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

a. Vị trí, thông số giám sát:

- 04 vị trí tại khu vực xưởng sản xuất: K1: Khu vực xưởng sản xuất số 1; K2: Khu vực xưởng sản xuất số 3; K3: Khu vực xưởng sản xuất số 5.; K4: Khu vực xưởng sản xuất số 7. Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, độ ồn tương đương; Bụi lơ lửng; SO₂; NO₂; CO, NH₃, H₂S, hợp chất hữu cơ bay hơi (Benzen, Toluene).

- 02 vị trí lò hơi, bao gồm: OK1: Tại ống khói lò dầu tải nhiệt số 1; OK2: Tại ống khói lò dầu tải nhiệt số 2.

c. Quy chuẩn áp dụng

- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

4.2. Giám sát chất lượng nước thải

a. Vị trí giám sát: 02 vị trí giám sát gồm:

- NT1: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất (vệ sinh dụng cụ pha chế hóa chất và inox).

- NT2: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

b. Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, COD, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua

(tính theo H_2S , NH_4^+ , NO_3^- , tổng P, Dầu mỡ động, thực vật, Fe, Asen, Cu, Pb, Cd Coliform

c. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4.3. Giám sát chất thải rắn

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định;

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định./.